|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | |
| Số: /2019/NĐ-CP  DỰ THẢO | | *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về hoạt động thông tin tín dụng**

**của công ty thông tin tín dụng**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.*

# **Chương I**

# **QUY ĐỊNH CHUNG**

## Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện, thủ tục cấp, cấp lại, thay đổi nội dung và thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận); hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng; quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân liên quan và quản lý nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng.

## Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty thông tin tín dụng.

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

3. Tổ chức tham gia khác.

4. Khách hàng.

5. Tổ chức và cá nhân liên quan.

## Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Thông tin tín dụng* là dữ liệu, số liệu, dữ kiện và tin tức liên quan của khách hàng có quan hệ với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác trong các hoạt động sau:

a) Hoạt động cấp tín dụng theo Luật Các tổ chức tín dụng (đã sửa đổi, bổ sung); hoặc

b) Hoạt động giao dịch thuê tài sản; mua hàng trả góp, trả chậm hoặc các giao dịch khác có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn, tiền thuê, biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ theo Bộ Luật Dân sự.

2. *Hoạt động thông tin tín dụng* là việc thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.

3. *Khách hàng* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức tham gia khác trong các hoạt động quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này.

4. *Tổ chức tham gia khác* là tổ chức không phải tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện giao dịch cho thuê tài sản; bán hàng trả góp, trả chậm hoặc các giao dịch khác có thỏa thuận về lãi suất, thời hạn, tiền thuê và biện pháp đảm bảo nghĩa vụ trả nợ với khách hàng theo Bộ Luật Dân sự và cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng.

5. *Công ty thông tin tín dụng* là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và hoạt động theo quy định tại Nghị định này; tên doanh nghiệp phải có cụm từ “thông tin tín dụng”.

6. *Cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin* là một tập hợp các trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu và hệ thống mạng để tạo lập, truyền nhận, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số phục vụ cho một hoặc nhiều hoạt động kỹ thuật, nghiệp vụ của công ty thông tin tín dụng.

7. *Thông tin định danh* là các thông tin nhằm xác định rõ về một khách hàng và phân biệt được với khách hàng khác, bao gồm các thông tin sau:

a) Đối với cá nhân: họ và tên, mẫu chữ ký, chữ ký điện tử, ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, nghề nghiệp, địa chỉ nơi đăng ký thường trú, nơi ở hiện tại, địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài đối với người nước ngoài, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu (thông tin về thị thực đối với khách hàng cá nhân là người nước ngoài) của khách hàng hoặc của người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền (gọi chung là người đại diện hợp pháp) và các thông tin có liên quan khác;

b) Đối với tổ chức: tên giao dịch đầy đủ, tên viết tắt, giấy phép hoặc quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc văn bản tương đương; địa chỉ đặt trụ sở chính, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử và thông tin quy định tại điểm a khoản này của người đại diện hợp pháp và các thông tin có liên quan khác.

8. *Thông tin tiêu cực về khách hàng* là thông tin tín dụng về nợ xấu, vi phạm nghĩa vụ thanh toán, các hành vi vi phạm pháp luật, bị khởi kiện, bị khởi tố và các thông tin bất lợi khác ảnh hưởng đến kết quả đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng.

9. *Sản phẩm thông tin tín dụng* là các báo cáo thông tin, ấn phẩm hoặc các hình thức lưu trữ thông tin tín dụng khác được công ty thông tin tín dụng tạo ra trên cơ sở thông tin tín dụng thu thập được để cung cấp cho các tổ chức và cá nhân.

10. *Đối tượng sử dụng* là tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có đăng ký hoặc ký hợp đồng sử dụng dịch vụ thông tin tín dụng với công ty thông tin tín dụng.

11. *Người quản lý* là những người giữ chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ của công ty thông tin tín dụng.

## Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thông tin tín dụng

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật.

2. Đảm bảo tính trung thực, khách quan trong hoạt động thông tin tín dụng.

3. Đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền lợi và lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Việc thu thập, cung cấp thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng với các tổ chức, cá nhân phải được thỏa thuận bằng văn bản, phù hợp với quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

5. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng phải có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng.

6. Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng có thông tin định danh cho các đối tượng quy định tại điểm b, điểm e khoản 1 Điều 18 Nghị định này phải có sự đồng ý bằng văn bản của khách hàng có thông tin định danh.

## Điều 5. Nguyên tắc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng

1. Sản phẩm thông tin tín dụng được sử dụng là tài liệu tham khảo, bổ sung thông tin cho đối tượng sử dụng. Đối tượng sử dụng không được sửa đổi sản phẩm thông tin tín dụng và tự chịu trách nhiệm về các quyết định của mình khi sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng.

2. Đối tượng sử dụng không được cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho bên thứ ba, trừ các đối tượng quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

3. Việc sao chép, sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng trong nội bộ đối tượng sử dụng là tổ chức đảm bảo phù hợp với nội dung thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng.

## Điều 6. Các hành vi bị cấm trong hoạt động thông tin tín dụng

1. Thu thập, cung cấp trái phép các thông tin thuộc phạm vi, danh mục bí mật của Nhà nước.

2. Cố ý làm sai lệch nội dung thông tin tín dụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Trao đổi thông tin tín dụng, cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng sai đối tượng, sai mục đích, bất hợp pháp.

4. Lợi dụng hoạt động thông tin tín dụng để tư lợi cá nhân, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

5. Cản trở hoạt động thu thập và sử dụng thông tin tín dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

# **Chương II**

# **ĐIỀU KIỆN, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP, CẤP LẠI, THAY ĐỔI NỘI DUNG VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN**

## Điều 7. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận

1. Có hệ thống cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu tối thiểu sau đây:

a) Có tối thiểu 02 đường truyền số liệu, mỗi đường truyền của 01 nhà cung cấp dịch vụ;

b) Có cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin phù hợp với mặt bằng công nghệ; có khả năng tích hợp, kết nối được với hệ thống của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác;

c) Có hệ thống máy chủ, hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật có khả năng cập nhật, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, thực hiện dịch vụ thông tin tín dụng đối với tối thiểu 5.000.000 khách hàng;

d) Có phương án bảo mật, an toàn thông tin;

đ) Có phương án dự phòng thảm họa, đảm bảo không bị gián đoạn các hoạt động thông tin tín dụng quá 04 giờ làm việc.

2. Có vốn điều lệ tối thiểu 30 tỷ đồng.

3. Người quản lý của công ty thông tin tín dụng:

a) Không phải là người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; không phải là người quản lý của công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận (trừ trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận theo quy định tại điểm c, điểm đ khoản 1 Điều 13 và trường hợp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 13 Nghị định này);

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó ít nhất 50% số thành viên có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và ít nhất 03 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin;

d) Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 02 năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin;

đ) Thành viên Ban kiểm soát có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành kinh tế, kế toán, tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất 02 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng, công nghệ thông tin.

4. Có phương án kinh doanh khả thi và không được kinh doanh ngành nghề khác ngoài nội dung hoạt động thông tin tín dụng quy định tại Nghị định này.

5. Có tối thiểu 15 tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (trừ ngân hàng chính sách, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô) cam kết cung cấp thông tin tín dụng và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài này không có cam kết tương tự với công ty thông tin tín dụng khác.

6. Có văn bản thỏa thuận về việc thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa công ty thông tin tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã cam kết, trong đó có những nội dung tối thiểu sau:

a) Nội dung, phạm vi thông tin tín dụng được cung cấp;

b) Thời gian, địa điểm, phương thức cung cấp, truyền đưa thông tin, dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng;

c) Nguyên tắc, phạm vi, mục đích sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng;

d) Nghĩa vụ thông báo, thỏa thuận cho khách hàng về việc sử dụng thông tin tín dụng của khách hàng;

đ) Trách nhiệm của các bên trong việc điều chỉnh, sửa chữa sai sót trong quá trình cập nhật, truyền đưa, xử lý, lưu giữ, khai thác sử dụng thông tin tín dụng;

e) Trách nhiệm của các bên trong việc rà soát, đối chiếu, kiểm tra chất lượng và lưu giữ thông tin tín dụng;

g) Trách nhiệm và sự phối hợp của các bên khi giải quyết điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của khách hàng;

h) Xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp;

i) Hiệu lực của văn bản thỏa thuận và đơn phương chấm dứt việc thực hiện thỏa thuận;

k) Các quyền, nghĩa vụ khác của các bên trong quá trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng.

## Điều 8. Thẩm quyền quyết định cấp, cấp lại, thay đổi nội dung và thu hồi Giấy chứng nhận

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền:

1. Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận theo mẫu số 06/TTTD và quy định tại Nghị định này.

2. Ban hành Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo mẫu số 07/TTTD và quy định tại Nghị định này. Quyết định thay đổi nội dung Giấy chứng nhận là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận.

3. Ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận theo mẫu số 08/TTTD và quy định tại Nghị định này.

## Điều 9. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ

1. Hồ sơ phải được lập thành 01 bộ bằng tiếng Việt. Thành phần hồ sơ bằng tiếng nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt. Các bản dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng Việt phải được công chứng bản dịch hoặc chứng thực chữ ký của người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu đối với thành phần hồ sơ như sau:

a) Bản chính đối với các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h, điểm k khoản 1 Điều 10; điểm a khoản 2 Điều 11 và điểm a, điểm b khoản 1 Điều 12 và văn bản thông báo quy định tại điểm d(i), điểm đ(i), điểm e(i) khoản 2 Điều 13 Nghị định này;

b) Bản sao đối với các thành phần hồ sơ (trừ các thành phần hồ sơ quy định tại điểm a khoản này) quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định này. Đối với thành phần hồ sơ là bản sao không có chứng thực, không được cấp từ sổ gốc thì doanh nghiệp xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu; người đối chiếu ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

3. Đơn đề nghị quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10, điểm a khoản 2 Điều 11 và điểm a khoản 1 Điều 12 và văn bản thông báo quy định tại điểm d(i), điểm đ(i), điểm e(i) khoản 2 Điều 13 Nghị định này do người đại diện hợp pháp ký. Trường hợp ký theo ủy quyền, hồ sơ phải có văn bản ủy quyền được lập phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Hồ sơ được nộp tại bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng).

## Điều 10. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng lập hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu số 01/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

c) Điều lệ của doanh nghiệp;

d) Hợp đồng với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ mạng;

đ) Danh mục và bản thuyết minh cho cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin;

e) Xác nhận của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài về số dư tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam, vàng, ngoại tệ; xác nhận của tổ chức định giá chuyên nghiệp đối với các tài sản góp vốn khác; hoặc xác nhận của tổ chức kiểm toán về vốn điều lệ của doanh nghiệp;

g) Lý lịch của người quản lý theo mẫu số 03/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này (kèm theo các văn bằng, chứng chỉ, văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi nhân sự đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian làm việc hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian làm việc tại đơn vị và tài liệu chứng minh khác liên quan);

h) Bảng kê danh sách người quản lý theo chức danh của doanh nghiệp;

i) Phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người quản lý được cấp trong vòng 6 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ (có đầy đủ thông tin về tình trạng án tích, bao gồm án tích đã được xóa và án tích chưa được xóa; thông tin về việc cấm đảm nhiệm chức vụ, thành lập, quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã) và được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp theo quy định;

k) Phương án kinh doanh theo mẫu số 04/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này;

l) Văn bản cam kết cung cấp thông tin tín dụng của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo mẫu số 05/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này;

m) Văn bản thỏa thuận về việc thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa doanh nghiệp với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã cam kết cung cấp thông tin tín dụng.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận cho công ty thông tin tín dụng. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Công ty thông tin tín dụng mới sau quá trình chia doanh nghiệp, công ty thông tin tín dụng được tách, công ty thông tin tín dụng hợp nhất khi thực hiện tổ chức lại theo quy định pháp luật đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này.

## Điều 11. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước cấp lại Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

a) Mất Giấy chứng nhận;

b) Rách hoặc hư hỏng dưới các hình thức khác.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày rõ lý do bị mất; bị rách hoặc hư hỏng theo mẫu số 02/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền trong trường hợp công ty thông tin tín dụng khai báo mất Giấy chứng nhận vì lý do khách quan (thiên tai, cháy nổ, trộm cắp,…);

c) Giấy chứng nhận đã bị rách, hư hỏng.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của công ty thông tin tín dụng, Ngân hàng Nhà nước xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận.

## Điều 12. Trình tự, thủ tục thay đổi nội dung Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng lập hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước thay đổi nội dung Giấy chứng nhận, bao gồm:

a) Đơn đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết của việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo mẫu số 02/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận;

c) Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc tiếp tục duy trì đủ điều kiện hoạt động trong trường hợp nội dung đề nghị thay đổi tại Giấy chứng nhận có liên quan đến điều kiện hoạt động của công ty thông tin tín dụng đảm bảo phù hợp với từng điều kiện quy định tại Nghị định này;

d) Các văn bản, giấy tờ khác chứng minh việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (nếu có).

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước quyết định việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Công ty thông tin tín dụng chuyển đổi hình thức pháp lý và công ty thông tin tín dụng bị tách khi thực hiện tổ chức lại theo quy định pháp luật đề nghị Ngân hàng Nhà nước thay đổi nội dung Giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định này.

## Điều 13. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng bị Ngân hàng Nhà nước thu hồi Giấy chứng nhận trong các trường hợp sau:

a) Vi phạm nghiêm trọng một trong những hành vi bị cấm quy định tại Điều 6 Nghị định này;

b) Không đảm bảo duy trì các điều kiện quy định tại Điều 7 Nghị định này;

c) Vi phạm quy định về khai trương hoạt động tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này;

d) Công ty thông tin tín dụng thực hiện giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;

đ) Công ty thông tin tín dụng bị chia hoặc bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập khi thực hiện tổ chức lại theo quy định của pháp luật.

2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận như sau:

a) Trường hợp công ty thông tin tín dụng vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng căn cứ vào kết luận thanh tra, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước hoặc đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác;

b) Trường hợp công ty thông tin tín dụng vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

(i) Ngân hàng Nhà nước yêu cầu công ty thông tin tín dụng xây dựng phương án khắc phục những vi phạm, gửi Ngân hàng Nhà nước và tổ chức thực hiện theo phương án khắc phục trong thời hạn tối đa 12 tháng;

(ii) Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng khi đánh giá công ty thông tin tín dụng chưa khắc phục được những vi phạm trong thời hạn quy định tại tiết (i) điểm này;

c) Trường hợp công ty thông tin tín dụng vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từng ngày kết thúc thời hạn khai trương hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này.

d) Trường hợp công ty thông tin tín dụng thực hiện giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

(i) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua Quyết định giải thể doanh nghiệp hoặc ngày nhận được Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, công ty thông tin tín dụng có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện giải thể doanh nghiệp và gửi kèm các tài liệu có liên quan;

(ii) Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và các tài liệu có liên quan của công ty thông tin tín dụng;

đ) Trường hợp công ty thông tin tín dụng thực hiện phá sản theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này:

(i) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ nhận được Quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp theo quy định tại Luật Phá sản, công ty thông tin tín dụng có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện phá sản doanh nghiệp và gửi kèm các tài liệu có liên quan;

(ii) Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và các tài liệu có liên quan của công ty thông tin tín dụng;

e) Trường hợp công ty thông tin tín dụng bị chia hoặc bị hợp nhất hoặc bị sáp nhập khi thực hiện tổ chức lại theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này:

(i) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày thông qua nghị quyết chia công ty hoặc hợp đồng hợp nhất hoặc hợp đồng sáp nhập theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, công ty thông tin tín dụng có văn bản thông báo với Ngân hàng Nhà nước về việc thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp và gửi kèm các tài liệu có liên quan;

(ii) Ngân hàng Nhà nước quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và các tài liệu có liên quan của công ty thông tin tín dụng.

3. Công ty thông tin tín dụng phải chấm dứt ngay hoạt động thông tin tín dụng và nộp lại Giấy chứng nhận trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận có hiệu lực thi hành.

4. Thông tin tín dụng đang lưu giữ tại công ty thông tin tín dụng bị thu hồi Giấy chứng nhận được xử lý như sau:

a) Chuyển nhượng cho công ty thông tin tín dụng khác, nhưng phải được sự đồng ý của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác đã cung cấp thông tin tín dụng và không vi phạm thỏa thuận với khách hàng có thông tin tín dụng;

b) Trường hợp không chuyển nhượng, công ty thông tin tín dụng chuyển giao cho Ngân hàng Nhà nước hoặc tự tổ chức tiêu hủy và báo cáo kết quả tiêu hủy cho Ngân hàng Nhà nước.

## Điều 14. Khai trương hoạt động và công bố thông tin về việc cấp, cấp lại, thay đổi nội dung, thu hồi Giấy chứng nhận

1. Trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận, công ty thông tin tín dụng phải khai trương hoạt động và báo cáo Ngân hàng Nhà nước về việc khai trương hoạt động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày công ty thông tin tín dụng khai trương hoạt động.

2. Công ty thông tin tín dụng thực hiện công bố thông tin liên quan đến việc cấp, cấp lại, thay đổi nội dung Giấy chứng nhận trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước, công ty thông tin tín dụng và một tờ báo trung ương hoặc địa phương nơi đặt trụ sở chính của công ty thông tin tín dụng trong ít nhất 03 số liên tiếp hoặc báo điện tử của Việt Nam trong ít nhất 07 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp, cấp lại, chấp thuận thay đổi nội dung Giấy chứng nhận;

3. Ngân hàng Nhà nước công bố Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng trên phương tiện thông tin của Ngân hàng Nhà nước.

# **Chương III**

# **HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

## Điều 15. Thu thập thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng thu thập thông tin từ các nguồn sau:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tổ chức tham gia khác;

b) Khách hàng;

c) Công ty thông tin tín dụng khác;

d) Các cơ quan nhà nước;

đ) Các nguồn thông tin công khai từ các cơ quan báo chí;

e) Các nguồn thông tin hợp pháp khác.

2. Thông tin tín dụng được thu thập bao gồm:

a) Thông tin định danh của khách hàng và người có liên quan của khách hàng theo quy định pháp luật hiện hành;

b) Thông tin về lịch sử cấp tín dụng, thuê tài sản, mua hàng trả góp, trả chậm và các giao dịch khác có điều kiện về lãi suất, thời hạn phải trả, tiền thuê;

c) Thông tin về lịch sử trả nợ, số tiền đã đến hạn hoặc chưa đến hạn, thời hạn phải trả, hạn mức tín dụng của khách hàng;

d) Thông tin về bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của khách hàng;

đ) Các thông tin khác liên quan nhưng phải bảo đảm không vi phạm quyền của khách hàng, không bao gồm thông tin về khách hàng thuộc danh mục bí mật nhà nước.

3. Thông tin tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này không bao gồm thông tin về việc sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro đối với các khoản cấp tín dụng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

## Điều 16. Xử lý thông tin tín dụng

1. Trên cơ sở nguồn thông tin tín dụng thu thập và lưu giữ, công ty thông tin tín dụng tiến hành phân tích, đánh giá, tổng hợp thông tin để tạo lập các sản phẩm thông tin tín dụng.

2. Quá trình kiểm tra, phân loại, cập nhật thông tin tín dụng phải đảm bảo không làm sai lệch tính chất, nội dung thông tin tín dụng thu thập.

## Điều 17. Lưu giữ thông tin tín dụng

1. Thông tin tín dụng phải được lưu giữ an toàn, bảo mật, phòng tránh được những sự cố, thảm họa có thể xảy ra và ngăn chặn sự xâm nhập, truy cập bất hợp pháp từ bên ngoài.

2. Thông tin tín dụng được lưu giữ tối thiểu trong 05 năm kể từ ngày công ty thông tin tín dụng thu thập.

## Điều 18. Cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho các đối tượng sử dụng vào các mục đích sau:

a) Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có cung cấp thông tin cho công ty thông tin tín dụng phục vụ cho nhu cầu tìm kiếm khách hàng, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng, quản lý rủi ro tín dụng, các hoạt động nghiệp vụ khác và các mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức tham gia khác phục vụ cho mục đích đánh giá khách hàng và các mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

c) Khách hàng sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng về chính khách hàng;

d) Công ty thông tin tín dụng khác phục vụ cho hoạt động thông tin tín dụng và các mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật;

đ) Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phục vụ việc quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

e) Tổ chức và cá nhân khác phục vụ cho mục đích đánh giá khách hàng và các mục đích hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty thông tin tín dụng được quyền từ chối cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho đối tượng sử dụng khi phát hiện đối tượng sử dụng vi phạm thỏa thuận đã ký kết, quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan.

## Điều 19. Điều chỉnh sai sót đối với thông tin tín dụng của khách hàng

1. Khi phát hiện thông tin tín dụng có sai sót, khách hàng gửi công ty thông tin tín dụng văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót kèm các tài liệu liên quan. Công ty thông tin tín dụng phải có văn bản thông báo cho khách hàng về quá trình xử lý và kết quả việc thực hiện điều chỉnh sai sót theo các hình thức gửi trực tiếp tới khách hàng; hoặc gửi qua đường bưu điện; hoặc gửi qua các phương tiện điện tử khác trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc điều chỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót như sau:

a) Trường hợp sai sót phát sinh do quá trình xử lý thông tin của công ty thông tin tín dụng thì công ty thông tin tín dụng thực hiện điều chỉnh sai sót trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng;

b) Trường hợp công ty thông tin tín dụng xác định sai sót phát sinh từ thông tin thu thập tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác, công ty thông tin tín dụng thực hiện thông báo cho khách hàng về quá trình xử lý (trong đó nêu rõ nguồn phát sinh sai sót) trong thời hạn 05 ngày làm việc và phối hợp với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác điều chỉnh sai sót trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót của khách hàng.

3. Trường hợp khách hàng không nhận được văn bản trả lời hoặc không đồng ý với nội dung văn bản trả lời của công ty thông tin tín dụng, khách hàng có quyền yêu cầu hòa giải hoặc tiến hành các thủ tục khởi kiện ra trọng tài hoặc tòa án theo quy định của pháp luật.

# **Chương IV**

# **QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN**

## Điều 20. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng sử dụng

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

## Điều 21. Quyền và nghĩa vụ của công ty thông tin tín dụng

1. Quyền của công ty thông tin tín dụng

a) Trao đổi thông tin tín dụng với các công ty thông tin tín dụng khác;

b) Từ chối cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho tổ chức, cá nhân không tuân thủ quy định của pháp luật và các thỏa thuận khác với công ty thông tin tín dụng.

2. Nghĩa vụ của công ty thông tin tín dụng

a) Ban hành quy định nội bộ về:

(i) Quy trình hoạt động thông tin tín dụng (bao gồm quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng);

(ii) Biện pháp kiểm tra tính hợp lý của các thông tin tín dụng thu thập theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 1 Điều 15 Nghị định này;

(iii) Từ chối cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng cho đối tượng sử dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này, bao gồm việc có văn bản thông báo lý do từ chối cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng.

b) Có trách nhiệm khuyến cáo để đối tượng sử dụng biết về nguyên tắc sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng;

c) Đảm bảo các nguyên tắc, điều kiện, nội dung của hoạt động thông tin tín dụng trong suốt quá trình hoạt động;

d) Thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 26 Nghị định này;

đ) Phối hợp với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác phát hiện, xử lý sai sót thông tin tín dụng; giải quyết văn bản điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng theo yêu cầu của khách hàng;

e) Công bố thông tin theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định này và pháp luật có liên quan.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

## Điều 22. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác

1. Được quyền sử dụng sản phẩm thông tin tín dụng từ công ty thông tin tín dụng theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Nghĩa vụ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác

a) Cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng theo thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng.

b) Phối hợp với công ty thông tin tín dụng phát hiện, xử lý sai sót thông tin tín dụng đã thu thập, lưu giữ và cung cấp; giải quyết văn bản điều chỉnh sai sót về thông tin tín dụng của khách hàng.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận với công ty thông tin tín dụng, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

## Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của khách hàng

1. Quyền của khách hàng

a) Được công ty thông tin tín dụng cung cấp miễn phí tối thiểu 01 lần trong một năm về thông tin tín dụng của bản thân (nếu có yêu cầu);

b) Được yêu cầu công ty thông tin tín dụng xem xét, điều chỉnh nội dung thông tin tín dụng của bản thân nếu phát hiện sai sót và thông báo kết quả việc điều chỉnh những sai sót (nếu có) cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tham gia khác.

2. Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin tín dụng của mình cho tổ chức, cá nhân có liên quan trong quá trình xử lý văn bản đề nghị điều chỉnh sai sót, khách hàng.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

# **Chương V**

# **QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

## Điều 24. Thẩm quyền quản lý nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng

Ngân hàng Nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng.

## Điều 25. Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng

1. Soạn thảo, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động thông tin tín dụng.

2. Cấp, cấp lại, thay đổi nội dung và thu hồi Giấy chứng nhận của công ty thông tin tín dụng.

3. Thanh tra hoạt động của công ty thông tin tín dụng.

## Điều 26. Báo cáo hoạt động thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng gửi báo cáo bằng văn bản tại bộ phận một cửa của Ngân hàng Nhà nước hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước các báo cáo sau:

a) Báo cáo tài chính quý, năm theo quy định pháp luật;

b) Báo cáo tình hình hoạt động theo mẫu số 09/TTTD ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo khi xảy ra sự cố lớn về tin học (như hỏng, trục trặc về phần mềm/phần cứng; hệ thống mạng bị hack... khiến hệ thống không còn đáng tin cậy, hoạt động bất bình thường);

d) Báo cáo khi có một trong những thay đổi sau: người quản lý; số lượng tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cam kết cung cấp thông tin tín dụng; nội dung văn bản thỏa thuận giữa công ty thông tin tín dụng với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã cam kết; cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin;

đ) Các báo cáo khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Báo cáo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này thực hiện định kỳ theo quý, năm. Trong đó, báo cáo quý gửi trước ngày 20 của tháng liền kề sau quý báo cáo (ngày 20/4, 20/7, 20/10 hàng năm); báo cáo năm gửi trước ngày 15 tháng 2 của năm liền kề sau năm báo cáo;

b) Báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải báo cáo ngay trong ngày xảy ra sự cố. Nếu sự cố xảy ra vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày lễ thì báo cáo trong ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ;

c) Báo cáo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi.

3. Thời gian chốt số liệu báo cáo:

a. Đối với báo cáo hàng năm, thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước kỳ báo cáo đến ngày 14 tháng 12 của kỳ báo cáo;

b. Đối với báo cáo hàng quý, thời gian chốt số liệu báo cáo được tính từ ngày 15 của tháng trước ký báo cáo đến ngày 14 của tháng cuối quý thuộc kỳ báo cáo;

c. Đối với các báo cáo khác thời gian chốt số liệu báo cáo được xác định theo từng nội dung được yêu cầu báo cáo.

# **Chương VI**

# **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

## Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

Trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các công ty thông tin tín dụng đã thành lập và hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Nghị định này. Trường hợp không đáp ứng, công ty thông tin tín dụng phải chấm dứt hoạt động thông tin tín dụng.

## Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm ……

2. Bãi bỏ Điều 4 Nghị định số 16/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng; Nghị định số 57/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

## Điều 29. Tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty và Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty thông tin tín dụng và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng;  - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;  - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;  - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;  - Văn phòng Chủ tịch nước;  - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;  - Văn phòng Quốc hội;  - Toà án nhân dân tối cao;  - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;  - Kiểm toán Nhà nước;  - UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;  - Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;  - VPCP: BTCN, các PCN, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;  - Lưu: Văn thư, KTTH. | **TM. CHÍNH PHỦ**  **THỦ TƯỚNG** |

# ***Mẫu số 01/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **DOANH NGHIỆP … (1)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……………….. | *………….., ngày …… tháng …… năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

 Kính gửi: Ngân hàng nhà nước

Căn cứ Nghị định số …./……/NĐ-CP ngày ….. của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng, Doanh nghiệp...(\*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng nhà nước xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh

- Tên giao dịch (nếu có)

2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

3. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên……………………………Chức danh ………………………………

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Nội dung hoạt động:

6. Vốn điều lệ:

7. Tài khoản phong tỏa đã mở tại Ngân hàng thương mại chi nhánh……

- Số hiệu tài khoản: …………………….

- Số vốn đã gửi: ………………………

Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ khai trương và công bố thông tin khai trương theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng nhà nước và điều lệ công ty thông tin tín dụng, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT  **Hồ sơ đính kèm:**  - Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 10 Nghị định này. | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY … (2) *(Ký tên, đóng dấu)*** |

*Ghi chú:*

(1) Tên công ty thông tin tín dụng

(2) Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

# ***Mẫu số 02/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **DOANH NGHIỆP … (1)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……………….. | *………….., ngày …… tháng …… năm ……* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI/THAY ĐỔI NỘI DUNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

 Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số …./……/NĐ-CP ngày ….. của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng, Doanh nghiệp...(\*) đề nghị Thống đốc Ngân hàng nhà nước xem xét cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng sau đây:

1. Tên của công ty thông tin tín dụng:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt

- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh

- Tên giao dịch (nếu có)

2. Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

3. Người đại diện theo pháp luật:

Họ tên……………………………Chức danh ………………………………

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email:

5. Lý do làm đơn đề nghị: …………………………………………….

6. Cam kết trước pháp luật

- Tôi,……………………… là người đại diện theo pháp luật của công ty thông tin tín dụng, cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và điều lệ công ty thông tin tín dụng....

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

Sau khi được cấp lại/thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng, chúng tôi sẽ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng nhà nước và điều lệ công ty thông tin tín dụng, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT  **Hồ sơ đính kèm:**  - Liệt kê các giấy tờ quy định tại Điều 11, Điều 12 Nghị định này. | **ĐẠI DIỆN CÔNG TY … (2) *(Ký tên, đóng dấu)*** |

*Ghi chú:*

(1) Tên công ty thông tin tín dụng

(2) Là đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

# ***Mẫu số 03/TTTD***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH TÓM TẮT**

**1. Về bản thân**

|  |  |
| --- | --- |
| - Họ và tên khai sinh ………………………………………  - Họ và tên thường gọi …………………………………….  - Bí danh ……………………………………………………  - Ngày tháng năm sinh ……………………………………..  - Nơi sinh …………………………………………………. | Ảnh hộ chiếu (4x6) |

- Quốc tịch (các quốc tịch hiện có) …………………………

- Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú; địa chỉ theo chứng minh nhân dân; Nơi ở hiện nay ……………………

- Số chứng minh thư, nơi cấp, ngày cấp chứng minh hoặc số hộ chiếu hoặc số giấy tờ chứng thực cá nhân khác …………………………..

- Tên và địa chỉ tổ chức mà mình đại diện, tỷ lệ vốn góp, vốn cổ phần được đại diện (trường hợp là người đại diện phần vốn góp, vốn cổ phần)

**2. Trình độ học vấn**

Tên trường; tên thành phố, quốc gia nơi trường đặt trụ sở chính; tên khóa học; thời gian học; tên bằng (liệt kê những bằng cấp, chương trình đào tạo liên quan đến tiêu chuẩn, điều kiện của chức danh được bầu, bổ nhiệm).

**3. Quá trình công tác**

- Quá trình công tác, nghề nghiệp và chức vụ đã qua (từ năm 18 tuổi đến nay) làm gì, ở đâu, tóm tắt đặc điểm chính

- Chức vụ hiện nay đang nắm giữ tại công ty thông tin tín dụng và các tổ chức khác.

- Đơn vị công tác; chức vụ; các trách nhiệm chính (liệt kê các đơn vị công tác và chức danh nắm giữ tại các đơn vị này đảm bảo tính liên tục về mặt thời gian).

- Khen thưởng, kỷ luật (nếu có).

**4. Cam kết trước pháp luật**

- Tôi,………………………, cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước và điều lệ công ty thông tin tín dụng....

- Tôi cam kết những lời khai trên là đúng sự thật. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với bất kỳ thông tin nào không đúng với sự thật tại bản khai này.

|  |  |
| --- | --- |
| **Chứng thực chữ ký người khai** *(Xác nhận của UBND cấp có thẩm quyền nơi người khai đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc cơ quan người khai đang làm việc)* | *………….., ngày …… tháng …… năm 20…* **Người khai** *(ký, ghi đầy đủ họ tên)* |

*Ghi chú: Ngoài những nội dung cơ bản trên, người khai có thể bổ sung các nội dung khác nếu thấy cần thiết.*

# ***Mẫu số 04/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **DOANH NGHIỆP … (\*)** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……………….. | *………….., ngày …… tháng …… năm ……* |

**PHƯƠNG ÁN KINH DOANH HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ Nghị định số …./……/NĐ-CP ngày ….. của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng, Doanh nghiệp (\*)... lập Phương án kinh doanh hoạt động thông tin tín dụng như sau:

1. Sự cần thiết thành lập công ty

2. Tên công ty, địa điểm đặt trụ sở chính, thời gian hoạt động, vốn điều lệ khi thành lập, nội dung hoạt động (không kinh doanh ngành nghề khác ngoài hoạt động thông tin tín dụng).

3. Cơ cấu người quản lý

a) Sơ đồ tổ chức bộ máy hoạt động của công ty;

b) Nhân sự dự kiến của các chức danh người quản lý.

4. Năng lực quản lý rủi ro

a) Các loại rủi ro dự kiến phát sinh trong quá trình hoạt động (rủi ro hoạt động, rủi ro đạo đức, rủi ro thị trường);

b) Khả năng biện pháp phòng ngừa và kiểm soát các loại rủi ro phát sinh trong hoạt động thông tin tín dụng.

5. Công nghệ thông tin

a) Dự kiến đầu tư tài chính cho công nghệ thông tin;

b) Mô tả khả năng áp dụng công nghệ thông tin, loại hình công nghệ dự kiến áp dụng trong quá trình hoạt động từ khâu thu thập, xử lý thông tin, tạo lập sản phẩm thông tin đến truyền đưa, lưu giữ dữ liệu thông tin; dự kiến cán bộ và khả năng của cán bộ trong việc áp dụng công nghệ thông tin;

c) Hệ thống phần mềm tin học và các giải pháp kỹ thuật để sắp xếp, mã hóa cơ sở dữ liệu đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu;

đ) Hệ thống dự phòng thảm họa có thể bảo đảm duy trì mọi hoạt động công nghệ thông tin của công ty thông tin tín dụng khi xảy ra sự cố với thời gian gián đoạn ngắn nhất;

6. Khả năng thu thập, xử lý, lưu giữ thông tin tín dụng, tạo lập và cung cấp sản phẩm thông tin tín dụng:

a) Dự kiến về nguồn, phạm vi, phương thức thu thập thông tin; các tổ chức, cá nhân đã cam kết cung cấp thông tin và khả năng duy trì, phát triển các đơn vị cung cấp thông tin;

b) Các sản phẩm, dịch vụ dự kiến cung cấp, đối tượng sử dụng và khả năng duy trì, phát triển đối tượng sử dụng sản phẩm;

c) Mô tả quy trình xử lý thông tin thu thập được để tạo lập cơ sở dữ liệu; quy trình tạo lập, cung cấp sản phẩm tin tín dụng; lưu giữ dữ liệu, sản phẩm thông tin tín dụng;

7. Khả năng đứng vững và phát triển của công ty trên thị trường:

a) Phân tích và đánh giá thị trường thông tin tín dụng (thực trạng, thách thức và triển vọng);

b) Khả năng tham gia và cạnh tranh trên thị trường của công ty, trong đó chứng minh được lợi thế của công ty khi tham gia thị trường;

c) Chiến lược của công ty trong việc phát triển, mở rộng mạng lưới hoạt động, việc cung cấp và phát triển các dịch vụ thông tin tín dụng (phân tích rõ các dịch vụ dự kiến công ty sẽ cung cấp, loại khách hàng và số lượng khách hàng...).

8. Dự kiến kế hoạch hoạt động kinh doanh trong 03 năm đầu (trong đó tối thiểu phải bao gồm: Bảng tổng kết tài sản, báo cáo kết quả kinh doanh, việc bảo toàn vốn điều lệ, các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động) và thuyết minh khả năng thực hiện kế hoạch trong từng năm.

Chúng tôi cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng nhà nước, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu VT  ***Hồ sơ đính kèm:*** - Các giấy tờ tài liệu chứng minh tính khả thi của Phương án kinh doanh. | **ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP** *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Ghi chú*:

- (\*) Tên công ty thông tin tín dụng

- Ngoài các nội dung tối thiểu trên, doanh nghiệp có thể trình bày thêm các nội dung khác nếu thấy cần thiết.

# ***Mẫu số 05/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI...** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số:................ | *............ ngày.......tháng....... năm……* |

**CAM KẾT CUNG CẤP THÔNG TIN TÍN DỤNG****CHO CÔNG TY THÔNG TIN TÍN DỤNG**

Căn cứ Nghị định số …/2019/NĐ-CP ngày …/…/2019 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng; xét khả năng và nhu cầu cung cấp, sử dụng thông tin tín dụng giữa các bên, Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.... cam kết:

1. Cung cấp trung thực, đầy đủ, kịp thời các thông tin tín dụng về khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài... cho Doanh nghiệp… theo văn bản thoả thuận số.... giữa các bên về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng, khi Doanh nghiệp... được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng.

2. Không cung cấp thông tin tín dụng về khách hàng tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài... cho công ty thông tin tín dụng khác.

3. Cam kết cung cấp thông tin này đương nhiên hết hiệu lực trong trường hợp Doanh nghiệp... không được cấp Giấy chứng nhận, hoặc công ty TTTD chấm dứt hoạt động, hoặc theo sự thoả thuận giữa các bên.

Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài… cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và thoả thuận giữa các bên, nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Lưu VT. | ***ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TÍN DỤNG, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI…***  *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Ghi chú:  Ngoài những nội dung tối thiểu trên, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có thể bổ sung thêm những nội dung khác nếu thấy cần thiết.*

# ***Mẫu số 06/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …/NHNN-GCN | *Hà Nội, ngày … tháng … năm 20…* |

**GIẤY CHỨNG NHẬN**

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN TÍN DỤNG**

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước;

Căn cứ Nghị định số …./2019/NĐ-CP ngày …/.../2019 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng;

Xét hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng…;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

**CHỨNG NHẬN:**

Tên công ty thông tin tín dụng: …………………………………………………..

Tên đối ngoại: …………………………………………………………………….

Tên viết tắt: ……………………………………………………………………….

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: ……………………………………..

Do: ………………………..cấp ngày ……………………….……………………

Vốn điều lệ:………………………………………(bằng chữ……………………)

Nơi đặt trụ sở chính: ……………………………………………………………...

Người đại diện theo pháp luật: ……………………………; chức vụ …………...

Quốc tịch:……………………………… số CMND:……………………………..

Nội dung hoạt động:………………………………………………………………

Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này, đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng theo quy định pháp luật.

Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm duy trì liên tục các điều kiện hoạt động đã được chứng nhận của Ngân hàng nhà nước và không được kinh doanh bất kỳ ngành nghề nào khác.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **THỐNG ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)* |

# ***Mẫu số 07/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **­NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC** VIỆT NAM | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-NHNN | *Hà Nội, ngày … tháng … năm 20…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thay đổi nội dung về …(1)… của Công ty thông tin tín dụng …(2)…**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước;

Căn cứ Nghị định số …./2019/NĐ-CP ngày …/.../2019 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng;

Xét hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng…;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thay đổi một số nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tín dụng số …/NHNN-GCN ngày …/…/… của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp cho Công ty thông tin tín dụng … (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận)

1. Nội dung … tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

……………………………………………………………………………

2. Nội dung … tại Giấy chứng nhận được thay đổi như sau:

……………………………………………………………………………

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tín dụng số …/NHNN-GCN ngày …/…/… của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp cho Công ty thông tin tín dụng … .

**Điều 3.** Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm sửa đổi, bổ sung Điều lệ (nếu có) phù hợp với nội dung thay đổi tại Điều 1 Quyết định này.

**Điều ...** (3) ...

**Điều …** Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng ...(4)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều …;  - BLĐ NHNN;  - Lưu: VP,…. | **THỐNG ĐỐC**  *(Ký tên, đóng dấu)* |

*Ghi chú:*

*(1) Nội dung đề nghị thay đổi.*

*(2); (4) Tên công ty thông tin tín dung.*

*(3) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước cáo thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thay đổi nội dung giấy chứng nhận.*

# ***Mẫu số 08/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **­NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC** VIỆT NAM | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-NHNN | *Hà Nội, ngày … tháng … năm 20…* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng …(1)…**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng nhà nước;

Căn cứ Nghị định số …./2019/NĐ-CP ngày …/.../2019 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng;

Căn cứ .......................(2)................................................................................

Xét đề nghị …….. của công ty thông tin tín dụng… (nếu có);

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tín dụng số …/NHNN-GCN ngày …/…/… của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp cho Công ty thông tin tín dụng … (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận).

Quyết định số …/QĐ-NHNN ngày …/…/… của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thay đổi nội dung về … của Công ty thông tin tín dụng … hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này được ban hành.

**Điều 2.** Vụ Truyền thông có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thông tin tín dụng của Công ty thông tin tín dụng … theo quy định tại Điều 14 Nghị định số …/2019/NĐ-CP ngày …/.../2019 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng của công ty thông tin tín dụng.

**Điều 3.** Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Công ty thông tin tín dung ...(3)... thực hiện nộp lại Giấy chứng nhận cho Ngân hàng Nhà nước.

**Điều ...** (4) ...

**Điều ...** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều ...** Chánh Văn phòng Ngân hàng Nhà nước, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty thông tin tín dụng ...(5)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 2, 4;  - BLĐ NHNN;  - Lưu: VP, … (3). | **THỐNG ĐỐC** |

*Ghi chú:*

*(1); (3), (5) Tên công ty thông tin tín dung.*

*(2) Cơ sở thực hiện thu hồi giấy chứng nhận (dựa vào từng trường hợp thu hồi quy định tại Điều 13 Nghị định này để xác định).*

*(4) Các nội dung khác của cơ quan nhà nước cáo thẩm quyền phụ thuộc vào đặc điểm từng trường hợp thu hồi.*

# ***Mẫu số 09/TTTD***

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN CÔNG TY**  **THÔNG TIN TÍN DỤNG**  Số: ……/……… | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……, ngày … tháng … năm …* |

**BÁO CÁO**

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG**

*(Năm ...)*

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**I. Tình hình thực hiện hoạt động TTTD**

1) Danh mục, cơ cấu sản phẩm;

2) Danh sách chi tiết nguồn thu thập thông tin;

3) Danh sách các tổ chức cấp tín dụng cam kết cung cấp thông tin;

4) Phân loại và số lượng khách hàng vay theo từng nhóm khách hàng;

5) Số lượng sản phẩm cung cấp cho từng nhóm đối tượng sử dụng;

6) Tình hình vận hành thiết bị công nghệ, bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu;

7) Nội dung khác (nếu có).

**II. Đề xuất, kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CÔNG TY**  **THÔNG TIN TÍN DỤNG**  *(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**Đề xuất kiến nghị:**

1. Giao cục công nghệ ban hành thông tư quy định về an toàn hệ thống thông tin đối với hoạt động TTTD vì theo rà soát chưa có quy định về nội dung này đối với công ty TTTD. Hiện chỉ có Thông tư 18/2018/TT-NHNN quy đinh về an toàn hệ thống thông tin đối với hoạt động ngân hàng.

2. Đề xuất xây dựng Thông tư thay thế Thông tư 16 để phân công công việc sau khi Nghị định thay thế Nghị định 10 được ban hành.

**Phân công công việc:**

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận; làm đầu mối, phối hợp với Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Cục Công nghệ tin học, Vụ Pháp chế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

2. Trình tự thẩm định:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của doanh nghiệp, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý như sau:

i) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung giấy tờ, tài liệu theo quy định;

ii) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định các điều kiện về vốn điều lệ, đội ngũ quản lý, năng lực quản lý rủi ro của doanh nghiệp và có văn bản đề nghị các đơn vị liên quan phối hợp thẩm định các nội dung:

- Cục Công nghệ tin học có ý kiến thẩm định các điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; quy trình công nghệ, phần mềm tin học xử lý, lưu giữ thông tin, cung cấp sản phẩm dịch vụ đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin của doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Vụ Pháp chế có ý kiến thẩm định về hồ sơ, thủ tục, các vấn đề pháp lý liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam có ý kiến thẩm định các điều kiện về phương án kinh doanh; nội dung văn bản thỏa thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa doanh nghiệp với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết.

b) Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị tham gia thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thẩm định của các đơn vị, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, soạn thảo văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (Thống đốc) quyết định cấp Giấy chứng nhận; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

3. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đầu mối tiếp nhận các báo cáo của Công ty thông tin tín dụng và có trách nhiệm gửi cho các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng.